

CHẾ TÀI ĐỐI VỚI HÀNH VI GÓP VỐN VÀO VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG KHÔNG ĐÚNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

● NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

TÓM TẮT:

Có 2 loại hình của tổ chức hành nghề công chứng, đó là Phòng công chứng và Văn phòng công chứng (VPCC). Trong đó, Phòng công chứng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp, có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, còn VPCC là doanh nghiệp do các công chứng viên không thuộc phòng công chứng Nhà nước tham gia thành lập. Bài viết này sẽ trình bày về các hình thức tổ chức của VPCC. Việc góp vốn, nhận góp vốn vào VPCC không đúng quy định pháp luật là một thực tế tồn tại liên tục kể từ khi Luật Công chứng đầu tiên năm 2006 được thông qua, tuy nhiên những chế tài liên quan còn ít và chưa đủ sức răn đe. Với tư cách là người hoạt động trong lĩnh vực công chứng, tác giả nêu ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật liên quan.

Từ khóa: góp vốn, văn phòng công chứng.

1. Quy định pháp luật về việc góp vốn vào Văn phòng công chứng

1.1. Quy định về hình thức của Văn phòng công chứng

Quy định về hình thức của VPCC qua các Luật Công chứng số 82/2006/QH11 thông qua ngày 29/11/2006 (Luật Công chứng 2006) và Luật Công chứng số 53/2014/QH13 thông qua ngày 20/06/2014 (Luật Công chứng 2014) ngày càng có chiều hướng khắt khe hơn. Luật Công chứng 2006 quy định, VPCC sẽ hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân nếu do một công chứng viên thành lập, còn đối với VPCC do hai công chứng viên trở lên thành lập sẽ được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh¹, nhưng tại Luật Công chứng 2014 thì tổ chức hành nghề công chứng chỉ được tổ chức và hoạt động với loại hình công ty hợp danh có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên và

không có thành viên góp vốn (khoản 1, điều 22 Luật Công chứng 2014).

Về vấn đề hình thức tổ chức áp dụng cho tổ chức hành nghề công chứng, trong quá trình lấy ý kiến đóng góp cho Luật Công chứng 2014, hay tại nghị trường quốc hội khi thảo luận để thông qua luật và ngay cả sau khi luật có hiệu lực thi hành vẫn thường xuyên có những ý kiến trái chiều. Theo trang thông tin điện tử của Báo điện tử Đầu tư², cơ quan ngôn luận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại Hội nghị Đại biểu Quốc hội chuyên trách cho ý kiến vào Dự thảo Luật Công chứng sửa đổi để trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 năm 2014, bà Nguyễn Thanh Hải - Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội - đã cho rằng quy định về việc VPCC hoạt động theo mô hình công ty hợp danh không được có thành viên góp vốn “rõ ràng là hạn chế việc đẩy mạnh xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ công vì không khuyến

khích được các cá nhân có khả năng tài chính nhưng không đủ điều kiện thành lập VPCC bỏ vốn thành lập VPCC. Quy định này cũng hạn chế việc phát triển mạng lưới VPCC, vì có rất nhiều công chứng viên hành nghề, những người có đủ điều kiện thành lập VPCC lại không có khả năng tài chính để tự đứng ra thành lập VPCC”.

Dù có những ý kiến trái chiều như đã nói, nhưng Luật Công chứng 2014, đã được thông qua năm 2014 và ngay cả trong Dự thảo Luật Công chứng năm 2024 vẫn bảo lưu quy định về việc VPCC hoạt động theo mô hình công ty hợp danh không có thành viên góp vốn.

1.2. Quy định pháp luật về việc góp vốn vào VPCC qua các thời kỳ

Có thể nhận xét tại Luật Công chứng 2006 không thể hiện quy định về việc không cho phép cá nhân/tổ chức góp vốn vào VPCC. Cụ thể, tại khoản 1 điều 26 Luật Công chứng 2006 chỉ quy định “VPCC do một công chứng viên thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. VPCC do 2 công chứng viên trở lên thành lập được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh. Người đại diện theo pháp luật của VPCC là Trưởng Văn phòng. Trưởng VPCC phải là công chứng viên”. Một trong các nội dung của khoản 1 điều 26 nói trên bắt buộc “Trưởng VPCC phải là công chứng viên” nhưng lại không có quy định đối với các thành viên còn lại của VPCC được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh. Nếu dùng phương pháp loại suy, sử dụng các cụm từ “VPCC do một công chứng viên thành lập” và “VPCC do hai công chứng viên trở lên thành lập” có thể xác định không có bất kỳ hình thức doanh nghiệp nào khác đối với VPCC ngoại trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân do một công chứng viên thành lập hoặc loại hình VPCC do hai công chứng viên trở lên thành lập. Trong suốt thời gian Luật Công chứng 2006 có hiệu lực (từ ngày 01/07/2007 đến ngày 01/01/2015), tại các văn bản dưới luật như Nghị định số 02/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng ngày 04/01/2008, Nghị định số 04/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng ngày 07/01/2013, Thông

tư số 11/2011/TT-BTP hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công chứng viên, tổ chức và hoạt động công chứng, quản lý nhà nước về công chứng ngày 27/06/2011 là các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Công chứng 2006 không có bất kỳ quy phạm pháp luật nào điều chỉnh về hành vi góp vốn vào VPCC từ phía các cá nhân/tổ chức không phải là công chứng viên. Những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Nghị định số 60/2009/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp ngày 23/07/2009 và sau đó là Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã dù đã quan tâm đến nhiều chi tiết trong hoạt động công chứng (điển hình như việc có quy định xử phạt đối với hành vi của tổ chức hành nghề công chứng sử dụng biển hiệu không đúng mẫu quy định) nhưng không có quy định xử phạt nếu tổ chức hành nghề công chứng có nhận góp vốn từ cá nhân hoặc tổ chức không phải là thành viên hợp danh của tổ chức hành nghề công chứng.

Trong Luật Công chứng 2014 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015) có điều khoản cho rằng “VPCC được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh”. Đối chiếu với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, “Công ty hợp danh” được định nghĩa là loại hình doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên hợp danh (thành viên hợp danh được luật quy định phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty), họ là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn (thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty)³.

Xét tại khoản 1 điều 22 Luật Công chứng 2014 có quy định “VPCC không có thành viên góp vốn” nên mặc nhiên phải hiểu là VPCC chỉ bao gồm các thành viên hợp danh. Nếu kết hợp 2 quy định mô tả sau đây: quy định thứ nhất nêu tại khoản 2 điều 22

Luật Công chứng 2014 bắt buộc “Trưởng VPCC phải là công chứng viên hợp danh của VPCC” và quy định thứ hai nêu tại khoản 1 điều 22 Luật Công chứng 2014 bắt buộc “VPCC phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên” thì một câu hỏi được đặt ra là từ thành viên hợp danh thứ ba trở đi có cần phải đáp ứng tiêu chuẩn là công chứng viên hay không. Luật Công chứng 2014 sau đó được hướng dẫn bởi Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/03/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng và Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/06/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng, tuy nhiên tại các văn bản dưới luật nói trên cũng không có bất kỳ quy định nào điều chỉnh về hành vi góp vốn vào VPCC từ phía các cá nhân/tổ chức không phải là công chứng viên. Nếu xét đến lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính thì sau khi Luật Công chứng 2014 có hiệu lực, vào ngày 15/08/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong Nghị định số 67/2015/NĐ-CP nói trên, dù đã quan tâm đến việc xử lý nhiều hành vi vi phạm trong hoạt động công chứng, điển hình như quy định phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi “Không đeo Thẻ công chứng viên khi tiếp người yêu cầu công chứng”⁴ nhưng lại không có quy định xử phạt đối với các hành vi góp vốn, nhận góp vốn vào VPCC không đúng quy định pháp luật.

Sau hơn 5 năm kể từ ngày Luật Công chứng 2014 có hiệu lực, tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được ban hành ngày 15/07/2020 đã có quy định pháp luật xử lý hành vi nêu trên. Cụ thể, tại điểm d, khoản 6, điều 15 quy định “Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng” đối với hành vi “Góp vốn, nhận góp vốn thành lập, duy trì tổ chức và hoạt động VPCC không đúng quy định”,

kèm theo hình phạt bổ sung là “Tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 06 tháng đến 09 tháng”⁵. Đáng chú ý tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP nói trên, hành vi “góp vốn, nhận góp vốn” chỉ một lần được nhắc đến (là tại điều 15), nhưng tiêu đề của điều 15 được đặt tên là “Điều 15. Hành vi vi phạm quy định hoạt động hành nghề công chứng”, điều này dẫn đến ý kiến cho rằng chỉ những người có hoạt động hành nghề công chứng mới bị điều chỉnh bởi điều luật này, hay nói khác đi, chỉ có công chứng viên mới bị xử phạt hành chính khi thực hiện hành vi “Góp vốn, nhận góp vốn thành lập, duy trì tổ chức và hoạt động VPCC không đúng quy định”. Quan điểm này còn được củng cố hơn nếu xét đến hình phạt bổ sung “Tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 06 tháng đến 09 tháng” đã chứng tỏ chủ thể bị điều chỉnh bởi điều khoản phạt vi phạm hành chính này chỉ là những người có thẻ công chứng viên.

2. Một số trường hợp thực tế góp vốn vào văn phòng công chứng

2.1. Trường hợp Trưởng văn phòng công chứng kiện người bỏ vốn

Theo thông tin được Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh đăng tải trên trang thông tin điện tử ngày 09/05/2011⁶, TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý một vụ tranh chấp giữa ông Đ. (Trưởng VPCC T., nguyên đơn) và bà L. (đại diện chủ đầu tư, bị đơn). Theo đơn khởi kiện của ông Đ., VPCC T. được thành lập ngày 28/5/2009, đi vào hoạt động ngày 14/7/2009. Do thuê căn nhà của bà L. tại phường Tam Bình (quận Thủ Đức) để làm trụ sở văn phòng nên ông Đ. quen biết với bà L.

Ông Đ. cho biết, khi VPCC T. hoạt động được hơn một tuần thì ông và phía bà L. ký hợp đồng hợp tác. Ông Đ. cho rằng nội dung bản hợp đồng này có ghi rõ: Bên đầu tư lo thủ tục pháp lý cho việc bổ nhiệm công chứng viên, trình duyệt đề án thành lập VPCC; Bên đầu tư sẽ bỏ toàn bộ vốn để thành lập, tổ chức hoạt động cho VPCC với số vốn 700 triệu đồng; Lợi nhuận sau khi trừ chi phí sẽ được chia đôi cho chủ đầu tư và trưởng VPCC; Chủ đầu tư cùng tham gia quản lý, điều hành hoạt động VPCC. Trưởng VPCC chịu trách nhiệm về nghiệp vụ công chứng.

Về việc này, bà L. lại trình bày khác. Theo đó, bà và ông Đ. quen biết từ trước nên hai bên cùng bàn bạc mở VPCC. Dựa trên sự tin tưởng, bà và hai người nữa đã đầu tư 700 triệu đồng để mua sắm máy móc, thiết bị. Ngoài ra, bà đã cải tạo nhà của mình để làm trụ sở VPCC. Ông Đ. với tư cách là trưởng VPCC sẽ chịu trách nhiệm về nghiệp vụ công chứng. Lợi nhuận thu về, sau khi trừ chi phí sẽ được chia đôi cho phía đầu tư và trưởng văn phòng.

Bà L. lý giải sở dĩ hợp đồng được ký sau ngày VPCC T. đi vào hoạt động là vì cả hai bên cùng lo tập trung hoàn tất công việc, sau đó mới có thời gian ngồi lại ký kết hợp đồng, việc điều khoản có ghi rằng chủ đầu tư lo thủ tục bổ nhiệm công chứng viên là do ông Đ. bận việc nên chúng tôi chuẩn bị giấy tờ hành chính cần thiết để nộp theo yêu cầu của pháp luật.

Mục đích khởi kiện của ông Đ. là yêu cầu tòa tuyên hủy hợp đồng hợp tác đầu tư giữa hai bên, vì ông Đ. Cho rằng hợp đồng này có những mục đích, nội dung cơ bản vi phạm quy định của pháp luật và có sự nhầm lẫn khi ký kết.

2.2. Trường hợp những bất ổn trong việc quản lý điều hành văn phòng công chứng có người bên ngoài góp vốn bị phát hiện và xử lý của cơ quan thanh tra

Theo thông tin được Báo Công an nhân dân đăng tải trên trang thông tin điện tử ngày 22/08/2022⁷, Thanh tra Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh đã có Kết luận thanh tra chuyên ngành về hoạt động công chứng của VPCC NHH (xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại thời điểm thanh tra, VPCC NHH có 6 lao động làm việc, do ông NHH làm Trưởng Văn phòng, có 4 công chứng viên hợp danh và ngay từ thời điểm thành lập năm 2019 thì VPCC NHH đã có sự tham gia, góp vốn của ông Lê Hữu Hạnh (người không phải là công chứng viên hợp danh của văn phòng), nói khác đi, hồ sơ đề nghị thành lập VPCC NHH có sự gian dối, không đảm bảo theo quy định về tiêu chí và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập VPCC được UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành năm 2018.

Sau khi Trưởng Văn phòng là ông NHH và ông Lê Hữu Hạnh xảy ra tranh chấp, việc quản lý, sử

dụng con dấu được các công chứng viên hợp danh còn lại tự quyết định mà chưa có ý kiến thống nhất của ông NHH. Đồng thời, với tư cách là Trưởng Văn phòng, ông NHH có đơn trình báo việc không chịu trách nhiệm quản lý con dấu. Trong Kết luận thanh tra, Thanh tra Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Ban Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến về việc xử lý vi phạm đối với hành vi góp vốn trong hồ sơ đề nghị thành lập VPCC NHH.

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả chỉ giới hạn trong việc đơn cử hai trường hợp trên đây, mặc dù ngay trên phương tiện thông tin đại chúng vẫn có thể tìm thấy một số trường hợp khác và tác giả bài viết cũng không có phương tiện khảo cứu sâu hơn về kết quả giải quyết các trường hợp cụ thể nên việc đánh giá khả năng giải quyết tranh chấp sẽ được căn cứ trên những quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm.

2.3. Đánh giá hậu quả của các tranh chấp từ quan điểm bảo vệ quyền lợi Người yêu cầu công chứng

Đối với trường hợp VPCC NHH, Thanh tra Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cho biết từ lúc thành lập (tháng 4/2019) đến ngày có Kết luận thanh tra (tháng 2/2022), VPCC NHH đã công chứng 12.625 hồ sơ, chứng thực 9.325 hồ sơ. Điểm đặc biệt là ông NHH, Trưởng Văn phòng, có đơn trình báo việc ông không chịu trách nhiệm quản lý con dấu tại thời điểm xảy ra tranh chấp. Theo ông NHH, cho tới thời điểm thanh tra, việc quản lý, sử dụng con dấu được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận miệng giữa các thành viên hợp danh (ông NHH cũng trình bày rằng từ thời điểm thành lập, ông NHH giao cho kế toán và văn thư quản lý con dấu), văn phòng không xây dựng điều lệ hoặc quy chế quản lý con dấu. Câu hỏi đặt ra, trách nhiệm đối với người yêu cầu công chứng nếu xảy ra sai sót trong hoạt động nghề công chứng thuộc về ai?; Người góp vốn vào VPCC có ý thức được trách nhiệm của mình đối với việc bồi thường thiệt hại cho Người yêu cầu công chứng hoặc cho các bên thứ ba có liên quan khi xảy ra sai sót trong hoạt động công chứng không?

Đối với trường hợp VPCC T., khi ông Đ., Trưởng Văn phòng, yêu cầu tòa án tuyên hủy hợp đồng hợp tác đầu tư giữa ông Đ và bị đơn theo ý chí cá nhân của ông Đ., đương nhiên ông Đ. phải cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với người yêu cầu công chứng liên quan đến các hồ sơ công chứng VPCC T. đã thực hiện. Việc góp vốn vào VPCC T. xảy ra từ năm 2009, khi các quy định pháp luật liên quan vấn đề này chưa rõ ràng, nên chế tài để quy trách nhiệm của người góp vốn đối với các hồ sơ công chứng VPCC T. đã thực hiện còn hạn chế.

3. Kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật

Theo quan điểm tác giả bài viết, kể từ khi Luật Công chứng 2014 có hiệu lực, việc góp vốn vào VPCC là vi phạm điều cấm pháp luật, tuy nhiên chế tài đối với các hành vi này còn chưa tương xứng, chưa có tác dụng răn đe.

Theo quy định tại Bộ luật Dân sự 2015, giao dịch dân sự (giữa bên góp vốn và bên nhận góp vốn vào VPCC) vi phạm điều cấm của pháp luật là vô hiệu và việc giải quyết hợp đồng vô hiệu sẽ theo nguyên tắc là các bên trong hợp đồng phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Có thể nhận định, cách giải quyết hợp đồng vô hiệu nói trên chưa tính đến những lợi ích người góp vốn trong quá trình hợp tác với VPCC đã nhận được, ví dụ như lợi thế kinh doanh, lợi thế từ việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh theo quý/năm mà việc hợp tác với VPCC đưa lại (nhất là trong trường hợp bên góp vốn là các tổ chức kinh tế lớn như chủ dự án bất động sản, hay các tổ chức tín dụng). Bởi vì vẫn có khả năng quy trình công chứng phần nào bị ảnh hưởng bởi việc hợp tác giữa bên góp vốn và bên nhận góp vốn mà việc xác minh, chứng minh là điều bất khả thi bởi bản chất của hoạt động công chứng là hoạt động dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm cho công chứng viên thực hiện trên cơ sở đặt niềm tin vào

công chứng viên sau quá trình đào tạo, bổ nhiệm và yêu cầu công chứng viên tuân thủ quy định pháp luật. Do đó, việc kiểm soát công chứng viên trong quá trình hành nghề hầu như được đặt ra ở mức độ rất ít, ngoài trừ việc hậu kiểm, trong khi đặc trưng của hoạt động công chứng là văn bản bản công chứng có giá trị pháp lý ngay tại thời điểm được công chứng.

Theo tác giả bài viết, các chế tài liên quan cần được quy định ở mức độ nghiêm khắc hơn. Điển hình như việc công chứng viên với đầy đủ ý thức mà lại đi giao kết một giao dịch vi phạm điều cấm pháp luật trong chính hoạt động tổ chức, duy trì VPCC thì công chứng viên đó đã không đủ tư cách để tiếp tục hoạt động nghề công chứng, cần áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là miễn nhiệm công chứng viên.

Đối với cá nhân/tổ chức thực hiện hành vi góp vốn cần phải có chế tài tương xứng với những lợi ích mà họ có thể đạt được (lợi ích hữu hình hay vô hình) không phụ thuộc vào việc kết quả thực tế, mà việc góp vốn vào VPCC đưa lại và cũng không phụ thuộc vào việc chứng minh cho quan hệ nhân quả giữa việc góp vốn vào VPCC với những hậu quả có thể xảy đến liên quan những hồ sơ công chứng mà VPCC thực hiện trong giai đoạn hợp tác với người góp vốn. Việc mưu cầu lợi ích của người góp vốn vào VPCC cần được áp dụng chế tài đủ mạnh về kinh tế, đơn cử như việc buộc người góp vốn liên đới cùng VPCC trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và các bên có liên quan đến hồ sơ công chứng nếu xảy ra trường hợp phải bồi thường thiệt hại.

4. Kết luận

Việc đưa càng nhiều quy định nghiêm cấm thực hiện các hành vi trong hoạt động công chứng là điều cần thiết, tuy nhiên song song với đó cần quy định những chế tài tương ứng ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

¹Khoản 1, điều 26, Luật Công chứng số 82/2006/QH11

²Hàn Tín (2014). Công chứng phi lợi nhuận, ai muốn làm? Truy cập tại <https://baodautu.vn/cong-chung-phi-loi-nhuan-ai-muon-lam-d386.html>

³Khoản 1, điều 172, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13

⁴Khoản 9 điều 14 Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

⁵Điểm b, khoản 8, điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP của Chính phủ: quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

⁶Tiến Hiếu (2011). Trưởng văn phòng công chứng kiện người bỏ vốn. Truy cập tại <https://plo.vn/truong-van-phong-cong-chung-kien-nguoi-bo-von-post96948.html>

⁷Hoàng Anh (2022). Văn phòng công chứng gian dối trong hồ sơ thành lập. Truy cập tại <https://cand.com.vn/Ban-tin-113/van-phong-cong-chung-gian-doi-trong-ho-so-thanh-lap-i664880/>

Ngày nhận bài: 8/10/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/10/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/11/2024

Thông tin tác giả:

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Công chứng viên, thành viên Hội Công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh

LEGAL SANCTIONS FOR UNLAWFUL CAPITAL CONTRIBUTIONS TO NOTARY OFFICES

● **NGUYEN THI NGOC LAN**

Notary, member of Ho Chi Minh City Notary Association

ABSTRACT:

This study examines the two primary types of notary organizations in Vietnam: Notary Departments, which operate as public service units under the Department of Justice, and Notary Offices, which are privately established by independent notaries. While notary offices have played a vital role in diversifying notarial services, issues such as the unlawful contribution and receipt of capital in notary offices have persisted since the enactment of the first Notary Law in 2006. Despite these violations, existing legal sanctions remain insufficient to address and deter such practices effectively. Drawing from professional experience in notarization, the author proposes recommendations to enhance the legal framework governing notary offices operations and ensure compliance.

Keywords: capital contribution, notary office.